

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:60/2022/HNGĐ-ST

Ngày 6/5/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Ngừ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến  
Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 6/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXX-ST ngày 29/03/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐ-ST ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

+ **NgƯ đơn:** Chị Phạm Thị U, sinh năm 1994 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Mương Làng, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

+ **Bị đơn:** Anh Vi Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

HKTT: thôn Mương Làng, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang  
(Hiện đang lao động ở nước ngoài )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngƯ đơn là chị Phạm Thị U trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T kết hôn với nhau ngày 19/4/2012, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng sống với nhau hòa thuận hạnh phúc.

Năm 2019, anh T đi lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu, vợ chồng thường xU liên lạc qua điện thoại, hỏi thăm sức khỏe, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của nhau. Do vợ chồng sinh sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, hiện nay vợ chồng ít quan tâm, điện thoại hỏi thăm nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vi Thị Bảo Y, sinh ngày 8/8/2012, hiện đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải góp tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án

Anh Vi Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã xác minh thông tin của anh T thì được ông Vi Văn Th (là bố đẻ) cho biết: Anh Vi Văn T hiện nay đang lao động, cư trú tại Nhật Bản và vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm gia đình qua điện thoại. Gia đình có hỏi địa chỉ cụ thể thì anh T không cho biết: Anh Vi Văn T đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan từ năm 2019, từ khi đi anh T vẫn thường xuyên liên hệ qua điện thoại với gia đình. Ông cũng có nói chuyện với anh T về việc chị Phạm Thị U có đơn xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn chị U. Địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan như thế nào ông cũng không biết, gia đình ông cũng đã hỏi nhưng anh T cũng không cung cấp cho gia đình ông biết. Gia đình ông cũng đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án, cam kết thông báo lại ngay cho anh T biết.

Anh Vi Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ NgU đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành pháp luật, không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T và giao văn bản tố tụng cho ông Vi Văn Thanh là bố đẻ anh T.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1, 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U.

Xử cho chị Phạm Thị U được ly hôn anh Vi Văn T; giao cháu Vi Thị Bảo Y cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng.

Về án phí, chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị U là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị U.

Anh Vi Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh T là ông Vi Văn Th để giao thông báo thụ lý vụ án, đề nghị ông Th thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị U và anh T. Ông Th cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình, anh T không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan cho gia đình biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Vi Văn T theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị U có đơn xin ly hôn anh Vi Văn T hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo cung cấp thông tin của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an thì anh T hiện chưa có thông tin nhập cảnh, địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là: thôn Mương Làng, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị U và anh Vi Văn T kết hôn ngày 19/4/2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị U, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2019, anh T làm thủ tục đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, đến nay chưa về. Thời gian đầu vợ chồng hay gọi điện về hỏi thăm nhau nhưng do công việc và khoảng cách địa lý nên việc vợ chồng hỏi thăm, động viên nhau thưa dần, không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì tới nhau nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị U và anh T đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyện vọng ly hôn của chị U là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Chị U và anh T có 01 con chung là Vi Thị Bảo Y, sinh ngày 8/8/2012. Nguyện vọng của chị U được nuôi con chung và nguyện vọng của cháu Yến là được ở với mẹ. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi phụ nữ và trẻ em, HĐXX giao con chung cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu Y.

Trường hợp anh T có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định Điều 84 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Tiền cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, công nợ: Không có đương sự nào yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị U phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Phạm Thị U ly hôn anh Vi Văn T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Vi Thị Bảo Y, sinh ngày 8/8/2012 cho chị Phạm Thị U nuôi dưỡng cho đến khi cháu cháu Y đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Vi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị U phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0000305, ngày 22/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Vi Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

#### **Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Ngữ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuyết Trinh    Nguyễn Văn Chiến**

**Nguyễn Văn Ngữ**